

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH BẢN SẮC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Ngô Huỳnh Hồng Nga⁺,
Lê Công Tuấn,
Trịnh Quốc Lập

Trường Đại học Cần Thơ
+Tác giả liên hệ • Email: nhhnga@ctu.edu.vn

Article history

Received: 15/6/2024

Accepted: 19/7/2024

Published: 05/9/2024

Keywords

Narrative inquiry, teacher
identity, research
engagement, English
language teaching

ABSTRACT

Language teacher identity development plays an important part in teachers' professional development. This topic expands the research field of scientific research of lecturers in Vietnam. Applying a narrative approach, this article explores the process of English lecturers' identity construction through participating in scientific research activities. Based on ecological systems theory, the results from this study show that although the process of establishing a lecturer's research identity depends heavily on the individual, it is also influenced by external factors, including research interests, publications, career stages of lecturers and regulations from the State and the University. This study provides a general explanation of the process of English lecturers' research identity construction in the context of educational reforms in Vietnam.

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, nghiên cứu khoa học (NCKH) được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng của giảng viên (GgV) đại học. Trên thế giới, nhiều nghiên cứu đã được thực hiện để điều tra việc tham gia NCKH của GgV trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh (Borg & Sanchez, 2015; Heng et al., 2020). Barkhuizen (2018) giải thích rằng NCKH là một hoạt động phát triển chuyên môn trong đó GgV tiến hành điều tra một cách có hệ thống những vấn đề liên quan đến công việc của họ để cải thiện việc dạy và học. Theo Leuverink và Aarts (2018), hoạt động NCKH của GgV có 6 đặc điểm cơ bản: GgV đóng vai trò là người nghiên cứu (teacher-as-researcher); có tính hệ thống (systematic); cải thiện việc thực hành (improvement of practice); có tính hợp tác (collaborative); phù hợp với ngữ cảnh (context-specific) và năng động (dynamic). Những đặc điểm này cung cấp cái nhìn khái quát về các nguyên tắc và sự thực hành của hoạt động NCKH của GgV. Theo Vandamme (2018), vai trò của người GgV luôn thay đổi trong các giai đoạn nghề nghiệp. Những ảnh hưởng và thay đổi của các yếu tố ngoại cảnh có tác động đến cách GgV nhận thức về bản sắc của họ.

Ở Việt Nam, đã có nhiều nghiên cứu được thực hiện để điều tra về hoạt động NCKH của GgV (Mai & Brundrett, 2022; Nguyen, 2020; Vu, 2020). Tuy nhiên, cho tới thời điểm hiện tại chưa có công trình nào sử dụng phương pháp tường thuật (narrative approach) để tìm hiểu về quá trình hình thành bản sắc của GgV trong việc tham gia hoạt động NCKH. Vì vậy, bài báo này nhằm mở rộng lĩnh vực nghiên cứu thông qua việc điều tra các yếu tố tác động đến quá trình hình thành bản sắc nghiên cứu của GgV tiếng Anh tại Trường Đại học Cần Thơ. Để đạt được mục tiêu này, câu hỏi nghiên cứu sau được đặt ra như sau: *Các yếu tố ngoại cảnh đã tác động đến quá trình hình thành bản sắc nghiên cứu của GgV tiếng Anh như thế nào?*

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Bản sắc nghiên cứu của giảng viên

Theo Mai Ngọc Khôi và Trần Thị Long (2021), "bản sắc" là kết quả của tính cách cá nhân, quá trình dưỡng dục, trải nghiệm học tập và công tác và nhiều yếu tố văn hoá xã hội khác, như tương tác xã hội, chuẩn mực và quy định về đạo đức, nghề nghiệp. Klimas (2023) định nghĩa rằng: "*Bản sắc là một khái niệm đa diện, vì vậy, mỗi người phát triển nhiều bản sắc và trong số các bản sắc này nhiều bản sắc phụ được hình thành*" (tr 53). Theo Beijjaard (1995), *nhận thức của GV về bản sắc nghề nghiệp của chính họ ảnh hưởng đến hiệu quả và phát triển chuyên môn, khả năng và sự sẵn lòng của họ để đối phó với những thay đổi giáo dục và thực hiện những đổi mới trong phương pháp giảng dạy của chính họ*. Bản sắc nghề nghiệp của GV không cố định; đúng hơn là nó phát triển theo thời gian khi GV tham gia vào sự phát triển chuyên môn, phản ánh cách tham gia của họ để thích ứng với các bối cảnh và yếu tố đa dạng.

Theo Lankveld và cộng sự (2017), người dạy phát triển bản sắc nghề nghiệp được xây dựng từ các bản sắc khác bao gồm bản sắc của một người học suốt đời, nhà chuyên môn, một học giả, một nhà nghiên cứu và một trí thức.

Từ những nghiên cứu trên, chúng tôi cho rằng: *Bản sắc nghiên cứu của GgV là một trong những bản sắc nghề nghiệp của người giảng dạy và được hình thành thông qua quá trình phát triển chuyên môn.*

2.2. Cách xác định các yếu tố tác động

Chúng tôi vận dụng lý thuyết Sinh thái học (Ecological systems theory) của tác giả Bronfenbrenner (1979). Cơ sở lý thuyết này nhấn mạnh sự tác động các yếu tố ngoại cảnh đến sự phát triển của cá nhân và ngược lại. Theo Bronfenbrenner (1979) giải thích: *“Môi trường được xem như là một tập hợp các yếu tố được lồng ghép vào nhau, giống như bộ búp bê Nga (a set of Russian dolls), những con nhỏ hơn được đặt bên trong những con lớn hơn”* (tr 3). Cấp độ vi mô (microsystem) liên quan đến “mô hình các hoạt động, vai trò và các mối quan hệ giữa các cá nhân với nhau mà cá nhân đang phát triển trải nghiệm trong một ngữ cảnh cụ thể” (Bronfenbrenner, 1979, tr 22). Cấp độ trung mô (mesosystem) thể hiện các mối tương tác giữa các hệ thống vi mô với nhau hoặc mối quan hệ với bối cảnh bên ngoài. Vì vậy, hệ trung mô được xem như là tập hợp một hệ thống của các hệ vi mô. Cấp độ ngoại vi (exosystem) thể hiện mối quan hệ của “một hoặc nhiều hơn một ngữ cảnh mà không bao gồm cá nhân đang phát triển đóng vai trò là người tham gia, nhưng nó là ngữ cảnh mà các sự kiện xảy ra có ảnh hưởng hoặc chịu tác động bởi ngữ cảnh có liên quan đến cá nhân đang phát triển” (Bronfenbrenner, 1979, tr 25). Cấp độ vĩ mô (macrosystem) thể hiện mối quan hệ liên kết của các hệ vi mô, hệ trung mô và hệ ngoại vi. Cho nên, hệ vĩ mô có thể được giải thích qua bối cảnh văn hóa, kinh tế, chính trị - nơi cá nhân phát triển đang sinh sống.

Christensen (2016) cho rằng, lý thuyết của Bronfenbrenner nhấn mạnh vào ngữ cảnh và mối quan hệ giữa các yếu tố ngoại cảnh cũng như sự ảnh hưởng của các yếu tố này đến quá trình phát triển của cá nhân nên giúp giải thích các yếu tố quan trọng tác động đến sự phát triển của cá nhân. Do đó, việc vận dụng lý thuyết này rất phù hợp với mục đích của nghiên cứu nhằm điều tra sự tác động của các yếu tố ngoại cảnh đến quá trình hình thành bản sắc nghiên cứu của GgV tiếng Anh.

2.3. Tổ chức nghiên cứu tường thuật

Chúng tôi sử dụng phương pháp định tính (qualitative research), cụ thể nghiên cứu tường thuật (a narrative approach) được lựa chọn để tìm hiểu các yếu tố tác động đến việc hình thành bản sắc nghiên cứu của GgV tiếng Anh. Theo Islam và Akhter (2022), *“Tường thuật là chiến lược dựa vào kể chuyện. Phương pháp này thu thập, phân tích và trình bày câu chuyện về cuộc sống của cá nhân và tường thuật lại kinh nghiệm thực tế của họ”* (tr 102). Các đặc điểm chính của nghiên cứu tường thuật bao gồm: kinh nghiệm của cá nhân về mối tương tác cá nhân và xã hội; kinh nghiệm được sắp xếp theo trật tự thời gian - từ quá khứ đến hiện tại; các câu chuyện về cuộc sống của cá nhân được thu thập thông qua các cuộc hội thoại và phỏng vấn; tường thuật lại câu chuyện cá nhân theo trật tự thời gian; mã hóa dữ liệu để phân loại thành chủ đề hoặc nhóm; mô tả ngữ cảnh của kinh nghiệm cá nhân; sự hợp tác giữa người nghiên cứu và khách thể tham gia để giảm khoảng cách giữa câu chuyện thật và câu chuyện được tường thuật lại (Islam & Akhter, 2022, tr 105). Trong nghiên cứu này, dữ liệu được thu thập thông qua các cuộc phỏng vấn tường thuật (narrative interviews) với các GgV tiếng Anh (bí danh được sử dụng thay thế cho tên của các GgV tham gia để đảm bảo đạo đức trong nghiên cứu).

Nghiên cứu này tuyển chọn khách thể tham gia bằng phương pháp lấy mẫu dựa theo tiêu chí (purposive sampling). Tổng cộng có 03 GgV tiếng Anh ở 3 giai đoạn nghề nghiệp khác nhau (*beginning, mid-career* và *late-career*) được mời tham gia phỏng vấn. Trong đó, 01 GV có bằng thạc sĩ, 01 GgV có bằng tiến sĩ và 01 GgV có bằng tiến sĩ và đã được công nhận chức danh Phó giáo sư. Việc mời 03 GgV ở các giai đoạn nghề nghiệp và học vị khác nhau có ý nghĩa rất quan trọng nhằm mục đích thu thập nguồn dữ liệu đa dạng liên quan đến quan điểm của họ về các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành bản sắc nghiên cứu của GgV.

2.4. Kết quả tường thuật

- *Trường hợp 1. Mary - GgV trẻ với khát vọng phát triển năng lực NCKH:*

Mary (Beginning) là GgV trẻ có hơn 01 năm kinh nghiệm dạy tiếng Anh. Cô ấy có ước mơ trở thành GgV tiếng Anh từ khi còn nhỏ. Mary tự nhận xét mình là người chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH nhưng rất năng động, nhiệt tình và sẵn sàng học hỏi các thể hệ đi trước. Mary bắt đầu biết đến NCKH khi thực hiện luận văn tốt nghiệp đại học. Tuy nhiên, Mary cho rằng mình chỉ mới bắt đầu *“học làm nghiên cứu”* vào thời điểm đó. Sau khi hoàn thành chương trình cử nhân. Cô ấy tiếp tục theo học thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Tiếng Anh. Trong chương trình học cao học, Mary đã tham gia các khóa về NCKH như Phương pháp NCKH trong giảng dạy tiếng Anh và Phân tích dữ liệu trong nghiên cứu... Mary chia sẻ: *“Sự kiện nổi bật nhất gắn liền với hoạt động NCKH là việc tôi bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ và nhờ vào kết quả của nghiên cứu này mà tôi đã*

xuất bản được một bài báo trên tạp chí khoa học. Dù kết quả này không quá lớn nhưng với tôi đây là cột mốc rất quan trọng đánh dấu sự khởi đầu cho việc tham gia NCKH của tôi”.

Theo Mary, NCKH luôn đóng vai trò thiết yếu trong công tác giảng dạy của GgV. Mary cho rằng: “Đam mê chính là động lực lớn nhất thúc đẩy tôi tham gia vào NCKH”. Hơn nữa, “Vì nhận thức tầm quan trọng của giảng dạy, mong muốn có những bài giảng hiệu quả và mang lại hiệu suất học tập cho người học nên tôi nghĩ NCKH rất hữu ích giúp nâng cao chất lượng giảng dạy”. Mary chia sẻ rằng “Tôi rất bị áp lực vì tôi thấy các đồng nghiệp của mình đạt được nhiều thành tựu khi tham gia NCKH. Điều này đã thúc đẩy tôi phải nỗ lực để hoàn thiện mình và làm được điều tương tự như họ”.

Mary nhận định rằng NCKH đã mang đến cho mình các lợi ích đáng kể, cụ thể: (1) Mở rộng và cập nhật kiến thức: “Kiến thức không chỉ liên quan về lĩnh vực giảng dạy mà còn có những lĩnh vực khác”; (2) Nâng cao sự tự tin: “Khi giải thích một vấn đề nào đó có cơ sở, có dẫn chứng thì sẽ có tính thuyết phục hơn. Điều này giúp tôi trở nên tự tin hơn. Khi giao tiếp với người khác tôi có thể chủ động hơn, có thể khơi gợi được những nội dung mà trước đây mình rất dè dặt và không dám bàn sâu”; (3) Gắn kết với đồng nghiệp hoặc những người xung quanh: “Khi hợp tác làm nghiên cứu thì có những chủ đề chung nên tôi dễ bắt chuyện và dễ thảo luận hơn với những đồng nghiệp bên cạnh mình”.

Về thuận lợi trong quá trình tham gia NCKH, Mary cho rằng nhờ vào sự phát triển của Internet nên có thể truy cập được những nguồn tài liệu khá lớn: “Tôi không gặp nhiều khó khăn khi tìm kiếm tài liệu”, “Tôi rất may mắn được làm việc trong môi trường mà đa số các GgV đã tốt nghiệp từ các trường nước ngoài và rất có kinh nghiệm trong NCKH. Khi gặp vướng mắc gì đó tôi có thể hỏi ý kiến và luôn nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình từ các đồng nghiệp”. Thuận lợi thứ ba đến từ “Tính cách của tôi là người khá kiên nhẫn, chịu khó học hỏi, lắng nghe và sửa chữa nên giúp tôi duy trì động lực tham gia NCKH và không dễ dàng từ bỏ”. Tuy nhiên, Mary cũng gặp những khó khăn khi tham gia vào NCKH: “Khó khăn đầu tiên mà tôi thường gặp là việc cân bằng giữa thời gian dành cho giảng dạy và nghiên cứu vì có những học kì tôi được phân công dạy quá nhiều lớp nên không có thời gian làm nghiên cứu”. Một khó khăn khác là “Do tác động từ bên ngoài như công việc gia đình hay tâm lý cá nhân cũng ảnh hưởng rất nhiều đến tâm trạng và động lực làm nghiên cứu của tôi”.

Mary nhận định rằng sau thời gian tham gia vào các hoạt động NCKH thấy bản thân có tiến bộ đáng kể: “Ngày xưa, tôi là người khá lười đọc nhưng sau khi thực hiện nghiên cứu thì tôi thích tìm đọc các bài báo và những quyển sách liên quan đến vấn đề nghiên cứu và dành thời gian để đọc nhiều hơn. Nhờ đó mà tôi thấy kỹ năng tóm tắt và phân tích vấn đề có sự cải thiện rõ rệt”. Mary cũng nhận định rằng: “Sau khi đọc một số nghiên cứu và cơ sở lý thuyết thì tôi biết từ học thuật để nói về phương pháp đó và vận dụng có mục đích rõ ràng và hợp lý hơn”, “Tôi vừa được Nhà trường phê duyệt và tài trợ kinh phí để thực hiện một đề tài NCKH cấp cơ sở trong vòng một năm. Đối với tôi đây là cơ hội rất tốt để phát triển năng lực NCKH và cập nhật lý lịch khoa học của mình”. Ngoài ra, Mary đang chuẩn bị đề cương nghiên cứu để xin học bổng đi học nghiên cứu sinh ở nước ngoài trong năm tới. Mary nhận định rằng quan niệm về nghiên cứu của GgV có thể khác nhau. Tuy nhiên, “Để tạo ra sự hứng thú trong nghiên cứu là điều không dễ dàng vì một số GgV thường quan niệm thực hiện NCKH là điều quá xa vời và cao siêu nên họ không dám thách thức bản thân hay dấn thân vào việc đó. Chính điều này càng làm họ thụ lùi hơn so với những người khác”. Mary rất mong muốn Nhà trường và Khoa Ngoại ngữ nên tổ chức thêm nhiều buổi tập huấn về phương pháp NCKH và thành lập các nhóm nghiên cứu hay cộng đồng học tập để hỗ trợ các GgV trẻ và các GgV có ít kinh nghiệm trong NCKH.

- Trường hợp 2. Laura - GgV trung niên có đam mê lớn với NCKH:

Laura (Mid-career) đã dạy tiếng Anh tại trường đại học được 14 năm. Cô ấy tốt nghiệp tiến sĩ từ một trường đại học ở châu Âu. Laura bắt đầu làm quen với NCKH từ lúc làm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ vào năm 2014. Kể từ đó, cô ấy bắt đầu đam mê NCKH và thích có công trình nghiên cứu. Cô ấy chia sẻ rằng: “Dù công việc giảng dạy chiếm rất nhiều thời gian nhưng do có kế hoạch đi học tiến sĩ nên tôi luôn tranh thủ làm nghiên cứu để có lý lịch khoa học tốt. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, kiến thức về NCKH của tôi rất hạn chế nên tôi thường kết nối với các GgV đã học xong tiến sĩ để trao đổi thêm thông tin về NCKH và hợp tác viết các bài báo khoa học”. Laura cũng chia sẻ thêm: “Ngoài giờ giảng dạy, tôi thường tập trung vào làm nghiên cứu nên hầu như không có thời gian dành cho gia đình và các hoạt động khác. Tuy nhiên, nhờ vào các hoạt động nghiên cứu này mà lý lịch khoa học của tôi khá tốt nên tôi có thể nhận được học bổng đi học tiến sĩ ở nước ngoài”. Laura nhận định rằng giảng dạy và NCKH là hai hoạt động không thể tách rời nhau: “Hầu hết những vấn đề nghiên cứu mà tôi đã thực hiện đều xuất phát từ những tình huống thực tiễn mà tôi đã trải nghiệm trong quá trình giảng dạy”. Theo Laura, người GgV dạy đại học có trách nhiệm rất lớn đối với việc làm NCKH và đây là động lực chính thúc đẩy bản thân thường xuyên tham gia vào NCKH. Cô ấy chia sẻ rằng: “Sau khi tham gia các hoạt động NCKH thì tôi thấy mình làm việc có quy hoạch hơn, có kế hoạch

ngắn hạn, dài hạn. Tôi có thể đánh giá lại những gì tôi đã làm một cách chi tiết. NCKH giúp tôi tiến bộ hơn rất nhiều trong suy nghĩ, khi nói và làm điều gì đòi hỏi phải có chứng cứ để chứng minh”.

Một trong những thuận lợi mà Laura nhận được trong quá trình làm NCKH là được gia đình rất hỗ trợ: *“Thật may mắn vì chồng tôi làm chung ngành nên hiểu được tầm quan trọng của NCKH, hiểu được người GgV phải làm nghiên cứu thì mới phát triển được nghề nghiệp. Nếu chồng tôi không thấu hiểu hoặc làm khác ngành thì có lẽ tôi sẽ bị áp lực nhiều hơn và gánh nặng nhiều hơn”.* Tuy nhiên, Laura cũng nhận thấy rằng việc làm NCKH mất rất nhiều thời gian và làm cho sức khỏe tinh thần của mình bị hao mòn. Hơn nữa, NCKH ảnh hưởng rất nhiều đến các mối quan hệ xã hội và gia đình: *“Do đầu óc lúc nào cũng tập trung vào làm nghiên cứu nên khi gặp bạn bè tôi thấy mình không có điểm chung với họ. Từ đó, các mối quan hệ ngoại giao dần hạn chế hơn. Những người bạn hiện tại của tôi chỉ là những người làm nghiên cứu chung hay đồng nghiệp”.* Thông qua những hoạt động NCKH đã tham gia, Laura nhận thấy mình đạt được mục tiêu nghề nghiệp nhưng chưa đạt được mục tiêu cá nhân vì sức khỏe tinh thần bị ảnh hưởng nhiều. Đối với Laura, xuất bản phẩm rất quan trọng trong NCKH: *“Vì có những công trình nghiên cứu tôi đã có ý tưởng nhưng chưa thực hiện hay chưa xuất bản được bài báo thì xem như chưa thành công”.* Cô ấy cũng chia sẻ rằng dù rất đam mê NCKH nhưng bản thân chưa thật sự là nhà nghiên cứu: *“Một nhà nghiên cứu cần phải tập trung làm nghiên cứu nhiều hơn, cần phải xuất bản thường xuyên. Hiện tại do khối lượng giờ dạy quá lớn nên tôi phải dành khoảng 80% thời gian để lên lớp dạy, soạn bài và chấm bài cho sinh viên; tôi chỉ còn 20% thời gian để đầu tư cho NCKH nên chưa thấy hài lòng với việc này”.* Nói về kế hoạch NCKH của bản thân, Laura chia sẻ rằng đang tập trung viết 2 bài báo từ luận văn tiến sĩ để xuất bản. Ngoài ra, Cô đang hướng dẫn sinh viên làm NCKH và xem đây là cơ hội tốt để học hỏi thêm về nghiên cứu. Bên cạnh đó, Laura có kế hoạch hợp tác với các đồng nghiệp để thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở trong thời gian sắp tới và tham gia báo cáo ở các hội thảo và hội nghị quốc tế.

Laura kể rằng hiện tại mình không cần sự hỗ trợ từ CBQL và đồng nghiệp trong việc làm NCKH vì đã có bằng tiến sĩ và kinh nghiệm nghiên cứu: *“Bản thân tôi phải tự sắp xếp, tự quản lý thời gian và sức khỏe tinh thần, thế chất để làm NCKH”.* Cô đề xuất rằng: *“Đối với những GgV có đam mê làm nghiên cứu thì Nhà trường và Khoa nên cân nhắc để ưu tiên và tạo điều kiện về thời gian cho họ. Còn đối với những GgV không thích làm nghiên cứu nên để họ tập trung giảng dạy, không gây áp lực cho họ và không yêu cầu họ phải làm NCKH”.* Hơn nữa, để tạo động lực hơn cho GgV tham gia vào các hoạt động NCKH, Nhà trường nên xem xét và hỗ trợ nhiều hơn về mặt tài chính khi GgV có bài báo được xuất bản trên các tạp chí quốc tế được xếp hạng cao. Nhà trường nên tiếp tục duy trì việc khuyến khích nữ GgV tham gia NCKH bằng cách thưởng thêm 10% giờ. Khoa nên thành lập những nhóm nghiên cứu để hỗ trợ các GgV có nhu cầu tham gia NCKH.

- Trường hợp 3. Thomas - GgV thâm niên luôn đề cao giá trị của NCKH:

Thomas (Late-career) đã dạy tiếng Anh tại trường đại học hơn 35 năm. Thầy đã tốt nghiệp tiến sĩ ở một trường đại học nước ngoài và được bổ nhiệm chức danh Phó giáo sư. Thomas bắt đầu tham gia vào NCKH khoảng 25 năm cách đây. Do công tác trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh rất nhiều năm nên lĩnh vực nghiên cứu mà Thomas tập trung vào rất đa dạng như action research (nghiên cứu hành động), curriculum development (phát triển chương trình giảng dạy), teacher change (sự thay đổi của GgV), teacher beliefs (niềm tin của GgV), English for specific purposes (tiếng Anh chuyên ngành),... Thomas nhận định rằng nhiệm vụ NCKH sẽ gắn bó với mình cho tới khi nghỉ hưu: *“NCKH tác động rất lớn đến giảng dạy vì để làm được nghiên cứu mình phải đọc rất nhiều, tìm tòi rất kỹ. Nhờ vận dụng các kết quả tìm được từ NCKH mà phương pháp và kỹ năng giảng dạy của tôi được cải thiện đáng kể. Thêm vào đó, NCKH cũng ảnh hưởng rất lớn đến bản sắc của người GgV vì mỗi người có thể theo đuổi lĩnh vực nghiên cứu mà mình quan tâm. Nếu GgV không làm nghiên cứu thì rất dễ bị tụt hậu và không theo kịp xu thế phát triển chung”.*

Thomas tường thuật rằng thông qua các hoạt động NCKH, Thầy đã đạt được các mục tiêu cá nhân và nghề nghiệp khác nhau. Cụ thể, thầy đã xuất bản được 7 giáo trình về tiếng Anh chuyên ngành; xuất bản được hơn 50 bài báo quốc tế và trong nước; và được công nhận chức danh Phó giáo sư. Thomas chia sẻ: *“Tôi tham gia vào NCKH chủ yếu vì đam mê và nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động này. Dù các chính sách hỗ trợ về tài chính của Nhà trường đối với hoạt động NCKH cho GgV chưa thích đáng nhưng không ảnh hưởng nhiều đến động lực làm nghiên cứu của tôi”.* Ngoài ra, sự thành công của các SV mà thầy hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp đại học hay cao học cũng có giá trị khích lệ rất lớn đối với thầy. Để hướng dẫn được SV, thầy phải đọc thêm rất nhiều tài liệu liên quan đến nhiều chủ đề nghiên cứu khác nhau nên cảm thấy năng lực nghiên cứu của mình tiến bộ đáng kể.

Thomas nhận định rằng mình không gặp nhiều khó khăn khi tham gia NCKH vì đã có kiến thức và kỹ năng nghiên cứu khá vững vàng. Hạn chế lớn nhất Thầy gặp phải là xử lý số liệu định lượng nên cần phải học hỏi và trao đổi thêm. Thầy cũng chia sẻ rằng *“Vì tôi tự làm nghiên cứu nên không cần sự hỗ trợ từ Nhà trường và đồng nghiệp”.* Dù đã

được công nhận chức danh Phó giáo sư nhưng Thomas nhận xét mình chưa phải là nhà nghiên cứu: “*Tôi nhận thấy bản thân mình còn phải học hỏi nhiều hơn và số lượng công trình xuất bản chưa được như mong đợi*”. Theo Thomas nhận định: “*Điều tôi mong đợi khi thực hiện NCKH là sức ảnh hưởng của công trình nghiên cứu có giúp được cho SV hay GgV hay không. Mục đích cuối cùng của tôi khi tham gia NCKH nhằm để chia sẻ thông tin và học hỏi lẫn nhau*”. Dù sắp đến tuổi nghỉ hưu nhưng Thầy vẫn duy trì việc viết giáo trình và làm NCKH vì đây là hoạt động đã gắn bó với Thầy trong nhiều năm nay.

2.5. Bàn luận về các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành bản sắc nghiên cứu khoa học của giảng viên tiếng Anh

Dựa vào các câu chuyện được tường thuật bởi 03 GgV đã tham gia phỏng vấn, có thể giải thích rằng sự hình thành bản chất nghiên cứu của GgV tiếng Anh phụ thuộc vào các yếu tố sau: sở thích làm NCKH, xuất bản phẩm, các giai đoạn phát triển nghề nghiệp và các chính sách của Nhà nước và Nhà trường.

Ở cấp độ vi mô (microsystem), kết quả từ nghiên cứu này chỉ cho rằng cả 03 GgV đều có sở thích làm NCKH. Mary cho rằng bản thân thích NCKH vì nhận được nhiều lợi ích đáng kể từ hoạt động này như: củng cố kiến thức chuyên môn, nâng cao sự tự tin và có thể xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các đồng nghiệp. Laura đam mê NCKH bởi vì hoạt động này giúp Cô ấy đạt được các mục tiêu nghề nghiệp như: xin được học bổng đi học tiến sĩ, bản thân làm việc có kế hoạch hơn và tiến bộ hơn trong suy nghĩ. Thomas cho rằng nhờ vận dụng các kết quả tìm được từ NCKH mà phương pháp và kỹ năng giảng dạy cũng như năng lực nghiên cứu được cải thiện đáng kể. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Xu (2014) đã nhấn mạnh rằng nếu GgV không có đam mê NCKH thì rất khó để duy trì việc tham gia vào hoạt động này.

Ở cấp độ trung mô (mesosystem), có thể thấy rằng bản sắc nghiên cứu của người GgV không những chịu tác động bởi sự đam mê hay yêu thích làm nghiên cứu mà còn thể hiện ở những sản phẩm mà họ xuất bản được. Trong nghiên cứu này, Mary đã chia sẻ rằng nhờ vào kết quả của nghiên cứu từ luận văn Thạc sĩ mà Cô đã xuất bản được một bài báo để đăng trên tạp chí khoa học và đây là cột mốc đáng chú ý đánh dấu sự khởi đầu cho việc tham gia NCKH của mình. Ngoài ra, Laura cũng giải thích rằng xuất bản phẩm rất quan trọng với Cô vì nó thể hiện được sự thành công của người GgV khi tham gia vào NCKH. Kết quả này tương đồng với những nghiên cứu quốc tế đã nhấn mạnh tầm quan trọng của xuất bản phẩm trong việc hình thành bản sắc nghiên cứu của GgV (Nana & Jing, 2017; Xu, 2014).

Ở cấp độ ngoại vi (exosystem), một kết quả nổi bật từ nghiên cứu này chỉ ra rằng các giai đoạn nghề nghiệp có ảnh hưởng đến việc hình thành bản sắc nghiên cứu của GgV tiếng Anh. Chẳng hạn, Mary là GgV trẻ mới được tuyển dụng nên tự nhận xét mình chưa có nhiều kinh nghiệm trong NCKH. Do đó, cô ấy luôn mong muốn nhận được sự hỗ trợ từ đồng nghiệp và có nguyện vọng tham gia vào các khóa tập huấn về kỹ năng và phương pháp NCKH hoặc trở thành thành viên của các nhóm nghiên cứu để phát triển khả năng nghiên cứu. Mặt khác, do Laura và Thomas đã có bằng tiến sĩ và kiến thức NCKH vững vàng nên có thể tự thực hiện nghiên cứu mà không cần sự hỗ trợ từ đồng nghiệp hay CBQL. Kết quả này tương đồng với nhận định của Nana và Jing (2017) cho rằng ở mỗi giai đoạn nghề nghiệp khác nhau bản sắc nghiên cứu của GgV có những đặc điểm khác nhau mà chúng có thể ảnh hưởng đến ý thức làm nghiên cứu cũng như cuộc sống học thuật của GgV.

Ở cấp độ vĩ mô (macrosystem), các chính sách của Nhà nước và Nhà trường được xem là một yếu tố quan trọng tác động đến việc hình thành bản sắc nghiên cứu của GgV. Mary chia sẻ rằng cô vừa được Nhà trường hỗ trợ kinh phí để thực hiện một đề tài NCKH cấp cơ sở nên xem đây là cơ hội tốt để phát triển năng lực nghiên cứu. Laura và Thomas có cùng quan điểm khi nhận định rằng để tạo động lực cho GgV tham gia vào các hoạt động NCKH, Nhà trường nên hỗ trợ nhiều hơn về mặt tài chính khi GgV có bài báo được xuất bản trên các tạp chí quốc tế được xếp hạng cao. Kết quả này giống với nhận định của Borg và Liu (2013), Klimas (2023) cho rằng việc hình thành bản sắc của GgV phụ thuộc rất nhiều vào các chính sách hoặc hỗ trợ từ cấp độ vĩ mô.

3. Kết luận

Nghiên cứu này vận dụng phương pháp tường thuật để tìm hiểu quá trình hình thành bản sắc của GgV tiếng Anh ở Trường Đại học Cần Thơ qua việc tham gia vào các hoạt động NCKH. Dựa vào lý thuyết Sinh thái học của Bronfenbrenner (1979), kết quả từ nghiên cứu này cho thấy rằng quá trình hình thành bản sắc nghiên cứu của GgV phụ thuộc nhiều vào cá nhân nhưng cũng chịu tác động của các yếu tố ngoại cảnh bao gồm sở thích nghiên cứu, xuất bản phẩm, các giai đoạn nghề nghiệp của GgV và các quy định từ Nhà nước và Nhà trường.

Dựa vào các kết quả của nghiên cứu này có thể kết luận rằng, “bản sắc nghiên cứu” của GgV tiếng Anh là một khái niệm đa chiều và thay đổi thường xuyên. Bản sắc này được xem là một quá trình liên tục và kéo dài trong suốt quá trình tham gia các hoạt động NCKH của GgV. Vì vậy, để hiểu được tính phức tạp của quá trình hình thành bản sắc nghiên

cứu cần phải xem xét đến các yếu tố ngoại cảnh đã ảnh hưởng đến cá nhân GgV và các yếu tố này tương tác với nhau như thế nào. Việc vận dụng cơ sở lý thuyết Sinh thái học giúp giải thích sự ảnh hưởng của các yếu tố từ cấp độ vi mô đến vĩ mô đã ảnh hưởng đến quá trình hình thành bản sắc của GgV. Các yếu tố này cung cấp cái nhìn khái quát giúp các CBQL có thể đề xuất những chiến lược và kế hoạch phù hợp để phát triển chuyên môn cho đội ngũ GgV, đặc biệt là nâng cao hiệu quả của các hoạt động NCKH trong đội ngũ GgV tiếng Anh tại Trường Đại học Cần Thơ.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả cảm ơn sự tài trợ của Trường Đại học Cần Thơ cho đề tài “Áp dụng phương pháp tương tự vào nghiên cứu vấn đề hình thành bản sắc nghiên cứu khoa học của giảng viên dạy tiếng Anh ở Việt Nam”, mã số T2024-36.

Tài liệu tham khảo

- Barkhuizen, G. (2018). The centrality of story in teacher inquiry. In D. Xerri & C. Pioquinto (Eds.), *Becoming research literate: Supporting teacher research in English language teaching* (pp. 110-115). English Teachers Association Switzerland.
- Beijaard, D. (1995). Teachers' prior experiences and actual perceptions of professional identity. *Teachers and teaching, 1*(2), 281-294. <https://doi.org/10.1080/1354060950010209>
- Borg, S., & Liu, Y. (2013). Chinese college English teachers' research engagement. *Tesol Quarterly, 47*(2), 270-299. <https://doi.org/10.1002/tesq.56>
- Borg, S., & Sanchez, H. (2015). *International perspectives on teacher research*. Springer.
- Bronfenbrenner, U. (1979). *The ecology of human development: Experiments by nature and design*. Harvard University Press.
- Christensen, J. (2016). A critical reflection of Bronfenbrenner's development ecology model. *Problems of Education in the 21st Century, 69*, 22-28.
- Heng, K., Hamid, M., & Khan, A. (2020). Factors influencing academics' research engagement and productivity: A developing countries perspective. *Issues in Educational Research, 30*(3), 965-987.
- Islam, R., & Akhter, M. S. (2022). Narrative inquiry, phenomenology, and grounded theory in qualitative research. In M. R. Islam, N. A. Khan, & R. Baikady (Eds.), *Principles of Social Research Methodology* (pp. 101-115).
- Klimas, A. (2023). Teacher identity (re)construction in the process of EFL teacher education. In M. Baran-Łucarz, A. Czura, M. Jedynek, A. Klimas, & A. Słowik-Krogulec (Eds.), *Contemporary issues in foreign language education* (pp. 51-66). Springer.
- Lankveld, T. V., Schoonenboom, J., Volman, M., Croiset, G., & Beishuizen, J. (2017). Developing a teacher identity in the university context: A systematic review of the literature. *Higher Education Research & Development, 36*(2), 325-342. <https://doi.org/10.1080/07294360.2016.1208154>
- Leuverink, K. R., & Aarts, A. M. L. (2018). A quality assessment of teacher research. *Educational Action Research, 27*(5), 758-777. <https://doi.org/10.1080/09650792.2018.1535445>
- Mai Ngọc Khôi, Trần Thị Long (2021). Nghiên cứu về bản sắc cá nhân của giáo viên qua chia sẻ trên Facebook với phương pháp nghiên cứu tương tự. *Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài, 37*(2), 43-55.
- Mai, D. T., & Brundrett, M. (2022). The importance of developing teachers as researchers in the new general education curriculum of Vietnam. *Management in Education, 4*, 1-8. <https://doi.org/10.1177/08920206221093001>
- Nana, L., & Jing, H. (2017). Exploring researcher identity construction of university EFL teachers in China. *Chinese Journal of Applied Linguistics, 40*(4), 371-391. <https://doi.org/10.1515/cjal-2017-0022>
- Nguyen, T. T. L. (2020). Teacher-research: Agency of practical knowledge and professional development. *Journal of Language and Education, 6*(2), 181-189.
- Vandamme, R. (2018). Teacher identity as a dialogical construction. In F. Meijers & H. Hermans (Eds.), *The dialogical self theory in education: A multicultural perspective* (1st ed., pp. 111-127). Springer.
- Vu, M. T. (2020). Between two worlds? Research engagement dilemmas of university English language teachers in Vietnam. *RELC Journal, 52*(3), 1-14. <https://doi.org/10.1177/0033688219884782>
- Xu, Y. (2014). Becoming researchers: A narrative study of Chinese university EFL teachers' research practice and their professional identity construction. *Language Teaching Research, 18*(2), 242-259. <https://doi.org/10.1177/1362168813505943>